TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/DS-PT
Ngày: 12-01-2018
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hằng**

Các Thẩm phán: 1/ Bà **Trịnh Thị Ánh**
2/ Bà **Phạm Thị Thảo**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Từ Thanh Uyên** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông **Hồ Văn Cảm -** Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 564/2017/TLPT - DS ngày 02/11/2017, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 90/2017/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2817/2017/QĐ-PT ngày 30 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị M**, sinh năm 1955; (Có mặt)

Địa chỉ: Số D8/15A Khu phố 4, thị trấn T, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông **Nguyễn Đức Thắng Y**, sinh năm 1981; (có mặt)

Địa chỉ liên lạc: 128/41 Đường B, phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền số 010452 ngày 11/12/2017 tại Văn phòng công chứng An Lạc).

2. Bị đơn: Ông **Trần Văn Q** (còn gọi Trần Văn T1), sinh năm 1965; (Có mặt)

Địa chỉ: Số C1/21 Khu phố 3, thị trấn T, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Người kháng cáo: Ông **Trần Văn Q** (còn gọi Trần Văn T1) sinh năm 1965 – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/5/2017, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Phạm Thị M trình bày:

Năm 2015, bà M có cho ông Trần Văn Q vay nhiều lần tiền cụ thể :

Ngày 13/10/2015, ông Q vay số tiền 15.000.000 đồng, thỏa thuận tiền lãi là 1.000.000 đồng/tháng; Ngày 22/10/2015, ông Q vay 57.000.000 đồng, thỏa thuận tiền lãi là 1.000.000 đồng/tháng; Ngày 31/10/2015, ông Q vay tiếp số tiền 12.000.000 đồng, thỏa thuận tiền lãi là 2.400.000 đồng/tháng; Ngày 05/12/2015, ông Q vay số tiền 18.000.000 đồng, thỏa thuận tiền lãi là 1.000.000 đồng/tháng. Tổng cộng ông Q đã vay của bà M số tiền vốn gốc là 105.000.000 đồng. Sau khi vay, ông Q đã trả cho bà M số tiền gốc là 6.000.000 đồng, tiền lãi chưa trả. Nhiều lần bà yêu cầu ông Q trả số nợ trên nhưng ông Q cố tình không trả.

Nay bà M khởi kiện yêu cầu ông Q trả cho bà số tiền vốn gốc là 99.000.000 đồng một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Nếu ông Q khó khăn bà cho ông Q trả 02 lần mỗi lần một nữa. Không yêu cầu tính tiền lãi. Bà M xác định chỉ yêu cầu một mình ông Trần Văn Q trả số tiền vốn trên, không yêu cầu vợ ông Q có trách nhiệm liên đới trả.

Bị đơn ông Trần Văn Q trình bày tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, trình bày:

Ông Q xác nhận có vay của bà M nhiều lần tiền tổng cộng tiền vốn là 105.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày là đúng. Quá trình vay, ông có trả tiền lãi mỗi ngày là 850.000 đồng, từ tháng 6/2015 cho đến tháng 12/2015 nhưng khi đóng tiền lãi, hai bên không có ký giấy giao nhận tiền lãi.

Nay, bà M khởi kiện yêu cầu ông Q trả số tiền vốn gốc là 99.000.000 đồng, ông đồng ý trả. Tuy nhiên do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên ông Q xin được trả góp dần mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi trả hết số nợ trên. Ông không yêu cầu tính lại số tiền lãi đã trả cho bà M. Ông Q xác nhận đây là việc vay nợ riêng giữa ông và bà M, vợ ông hoàn toàn không có liên quan. Ông Q sẽ trực tiếp trả nợ cho bà M.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 90/2017/DSST ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị M đối với ông Trần Văn Q.

Buộc ông Trần Văn Q có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị M số tiền 99.000.000 (Chín mươi chín triệu) đồng. Phương thức trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các "giấy biên nhận" nợ ngày 13/10/2015, ngày 22/10/2015, ngày 31/10/2015 và ngày 05/12/2015 giữa bà Phạm Thị M và ông Trần Văn Q không còn giá trị pháp lý.

Các bên thực hiện việc giao và nhận tiền tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp ông Trần Văn Q chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo bản án tuyên thì ông Q còn phải trả lãi tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/10/2017, Toà án nhận được đơn kháng cáo đề ngày 04/10/2017 của ông Trần Văn Q với lý do không đồng ý toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bị đơn kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm xin trả dần số nợ 99.000.000 đồng, mỗi tháng trả 1.500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Bị đơn yêu cầu xem xét lại tiền lãi đã trả cho bà M 850.000 đồng/ngày. Đề nghị triệu tập bà Trần Thị H là người làm chứng việc ông đưa tiền lãi cho bà H để bà H trả tiền lãi cho bà M dùm ông.

Nguyên đơn đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của đương sự làm trong hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Tòa án chấp nhận. Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung: Ông Q xác nhận có vay của bà M nhiều lần tổng số tiền là 105.000.000 đồng, ông Q đã trả tiền vốn là 6.000.000 đồng, còn lại 99.000.000 đồng tiền vốn, ông Q khai đã trả lãi cho bà M mỗi ngày là 850.000 đồng từ tháng 6/2015 đến tháng 12/2015, hai bên không ký giấy giao nhận. Do đó, bản án sơ thẩm tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn Q, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phạm Thị M và ông Trần Văn Q (còn gọi là Trần Văn T1) cùng xác nhận ông Q là người nhận tiền vay trực tiếp từ bà M, sau đó về cho ông Trần Văn U, bà Nguyễn Thị H1 mượn lại. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Q đồng ý chịu trách nhiệm trả, không yêu cầu những người có tên trong giấy biên nhận nợ ngày 22/10/2015, 13/10/2015, 31/10/2015 cùng trả nợ nên cấp sơ thẩm không đưa bà Nguyễn Thị H1, ông Trần Văn U tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ.

[2] Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Q yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, xin trả dần số nợ vốn 99.000.000 đồng, mỗi tháng trả 1.500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Bị đơn yêu cầu xem xét lại tiền lãi đã trả cho bà M là 850.000đồng/ ngày. Đề nghị triệu tập bà Trần Thị H là người làm chứng việc ông đưa tiền lãi cho bà H để bà H trả tiền lãi cho bà M dùm ông.

[2.1] Xét thấy: Căn cứ giấy "Giấy biên nhận tiền" ngày 13/10/2015, ngày 22/10/2015, ngày 31/10/2015 và ngày 05/12/2015, các bản tự khai và biên bản hòa giải, biên bản phiên tòa, có căn cứ xác định ông Q có vay bà M số tiền vốn 105.000.000 đồng, bà M xác nhận ông Q đã trả số tiền vốn gốc 6.000.000 đồng. Số tiền vốn còn lại 99.000.000 đồng, ông Q đồng ý chịu trách nhiệm cá nhân trả cho bà M nên Tòa sơ thẩm buộc ông Q trả cho bà M số tiền vốn gốc 99.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.2] Xét kháng cáo ông Q yêu cầu xem xét tiền lãi đã trả cho bà M 850.000đồng/ngày từ tháng 06/2015 đến tháng 12/2015 nhưng ông Q không xuất trình được chứng cứ chứng minh có trả tiền lãi cho bà M nên yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

[2.3] Đối với việc ông Q xin trả dần mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi hết nợ do hoàn cảnh khó khăn, Hội đồng xét xử xét thấy, số tiền nợ kéo dài đã lâu, để đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn Tòa sơ thẩm buộc thi hành một lần ngay khi án có hiệu lực có đúng quy định.

[3] Từ những nhận định trên, xét kháng cáo của ông Trần Văn Q không được chấp nhận, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 280, 357, 463, 466, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Khoản 2 Điều 26; Khoản 1 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn Q (tên gọi khác là Trần Văn T1).

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 90/2017/DS-ST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh;

3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị M.

Buộc ông Trần Văn Q (Trần Văn T1) có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị M số tiền 99.000.000 (Chín mươi chín triệu) đồng.

Thi hành một lần ngay khi án có hiệu lực.

Các "giấy biên nhận" nợ ngày 13/10/2015, ngày 22/10/2015, ngày 31/10/2015 và ngày 05/12/2015 giữa bà Phạm Thị M và ông Trần Văn Q (Trần Văn T1) không còn giá trị pháp lý.

Trường hợp ông Trần Văn Q (Trần Văn T1) chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo bản án tuyên thì ông Q còn phải trả lãi tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị M được nhận lại số tiền 2.625.000 (Hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0033490 ngày 01/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Trần Văn Q (Trần Văn T1) phải chịu 4.950.000 (Bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn Q (Trần Văn T1) phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng ông Q đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0030508 ngày 09/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND Tp.HCM;
- TAND huyện A, Tp.HCM;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu (P/18).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hằng